

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26-11-2018

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy An

Ông Mai Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2018/ QĐST – HNGĐ ngày 09/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ấp C, xã MĐ, huyện X, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Đặng Văn T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Ấp C, xã MĐ, huyện X, Đồng Tháp.

(Bà H có mặt tại phiên tòa, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông T được gia đình hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau cũng hạnh phúc. Nhưng thời gian sau, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau làm cho không khí trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng vì lý do ông T thay đổi tính tình hay ghen tuông vô cớ, thường chửi và đánh đập bà, bà và chính quyền địa phương cũng đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông T không thay đổi, còn hăm dọa sẽ giết bà. Nay bà thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau như trước và đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng vẫn không hàn gắn

được. Bà nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn níu kéo được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Đặng Văn T.

- Quan hệ nuôi con: Có một con chung tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 20/3/1999, hiện A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan hệ tài sản: Không có.

- Về nợ: Không có.

Ông Đặng Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông Đặng Văn T vẫn vắng mặt không lý do tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và không có văn bản ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo quy định của pháp luật bị đơn ông Đặng Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông Đặng Văn T vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đặng Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Đặng Văn T. Xét thấy, bà H và ông T có thời gian sống chung như vợ chồng từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu cả hai có cuộc sống hạnh phúc. Lẽ ra, hai bên phải biết yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng trái lại bà H, ông T không tôn trọng tình cảm đã có, thường xuyên để mâu thuẫn xảy ra dẫn đến cãi vã, làm cho không khí trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Hơn nữa, quá trình mâu thuẫn kéo dài nhưng bà H và ông T không có giải pháp tích cực để hạn chế mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm, điều đó chứng minh đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án thực hiện việc triệu tập đối với bị đơn ông Đặng Văn T tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Đặng Văn T vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản ý kiến gì về việc bà H yêu cầu ly hôn với ông. Điều này thể hiện tinh thần thiếu trách nhiệm của ông đối với hôn nhân của mình, ông không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Mặt khác, Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm năm 2015, bà H 33 tuổi, ông T 41 tuổi theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình có đủ điều kiện kết hôn, nhưng hai bên không đến Cơ quan Nhà nước có thẩm

quyền đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Cụ thể tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Bên cạnh đó, theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Do đó hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H, ông Đặng Văn T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H không được chấp nhận.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H, ông Đặng Văn T là vợ chồng.

[3] Quan hệ nuôi con: Theo lời trình bày của bà H thì bà và ông T có một con chung tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 20/3/1999, hiện A đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[4] Quan hệ tài sản: Theo lời trình bày của bà Hiền thì giữa bà và ông T không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về nợ: Theo lời trình bày của bà H thì giữa bà và ông T không có nợ ai và không có ai nợ ông bà.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000026 ngày 19/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Ông Đặng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Văn T là vợ chồng.

- Quan hệ nuôi con: Có một con chung tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 20/3/1999, hiện A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan hệ tài sản: Không có.

- Về nợ: Không có.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000026 ngày 19/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Ông Đặng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Huyện;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Thi).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Diệu